

*Đàm Hà, ngày 10 tháng 12 năm 2020*

Số: 69/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Phố, thị trấn T, huyện T1, tỉnh Q

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Phố L, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Q

\* Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

1/ Ông Nguyễn Hùng L1, sinh năm 1956 và Bà Đinh Thị Lan P, sinh năm 1953

Đều có địa chỉ: Số nhà 139, đường D, tổ 11, khu 6, phường H, Tp H1, tỉnh Q.

2/ Ngân hàng N. Đại diện theo ủy quyền Ông Nguyễn Linh S, chức vụ giám đốc Ngân hàng N – chi nhánh huyện Đ2 (theo quyết định ủy quyền số: 2965/QĐ-NHNN0-PC ngày 27/12/2019).

Trụ sở: Phố L, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Q.

Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Điều 55, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị Thúy L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

\* *Về con chung*: Anh T và chị L có 01 con chung là Nguyễn Nguyệt Th, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2016. Anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

\* *Về tài sản chung và khoản nợ chung*: Anh T và chị L thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà P, ông L1 và đại diện N không có yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ.

\* *Về án phí*: Anh Nguyễn Hữu T tự nguyện chịu án phí sơ thẩm về việc ly hôn 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005459 ngày 10/7/2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Đ. Trả lại cho anh Nguyễn Hữu T 23.850.000đ (hai mươi ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- UBND nơi các đương sự đăng ký kết hôn;
- VKSND huyện Đàm Hà;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS, Đàm Hà;
- Lưu hồ sơ, lưu QĐ

**THẨM PHÁN**

**Đã ký**

**Trần Thị Thu Nga**